TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24-8-2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA -TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Lưu Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Trần Văn Nhị
2- Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: bà Hà Thị Quy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về việc " tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H – sinh năm: 1992.
Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện M, tỉnh Long An (có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Minh N - sinh năm:1989.
Địa chỉ: ấp 1, xã Mỹ A, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 02/4/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: Về quan hệ hôn nhân, bà H và ông N tự tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16/2013. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hòa hợp, nay xét thấy tình cảm không thể hàn gắn, cuộc sống chung không hòa hợp, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2016 nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông N. Về con chung: bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Trần Minh N có 01 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 24/3/2014, ly hôn bà H yêu cầu

được nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo cho bị đơn ông Trần Minh N biết nhưng không có văn bản trình bày, không tham gia hòa giải.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán thực hiện thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H ly hôn với ông N. Về con chung, giao bà H nuôi con chung, ông N không cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu. Về chia tài sản và nợ chung: không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Trần Minh N là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Mỹ H không rút yêu cầu, ông Trần Minh N đã được thông báo việc mở phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Trần Minh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An vào năm 2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông N không phụ giúp, không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2016, không còn quan tâm lẫn nhau. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Trần Minh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H được ly hôn với ông N.

[3] Về nuôi con chung: bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Trần Minh N có 01 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 24/3/2014, hiện con đang ở với bà H, nên cần giao cháu T cho bà H được tiếp tục nuôi con để ổn định tâm lý của đứa trẻ.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: bà Nguyễn Thị Mỹ H là nguyên đơn nên phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Về quan hệ hôn nhân: cho bà Nguyễn Thị Mỹ H ly hôn ông Trần Minh N.

Về nuôi con chung: giao cho bà Nguyễn Thị Mỹ H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 24/3/2014, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Minh N được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003291 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, bà H đã nộp đủ án phí. Ông Trần Minh N không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bà H biết nếu không đồng ý với quyết định của bản án thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/8/2018. Bị đơn ông N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã Mỹ An;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

Nguyễn Lưu Thủy